

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 25/2023/HSST

Ngày: 07-4-2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ngân;

Ông Lê Ngọc Phi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:*
Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1982 tại tỉnh B; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ may; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; chồng Huỳnh Thái Q (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/12/2022. Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh B. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn N, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Cẩm T có tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71 xã B, huyện C, tỉnh B, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 175137 ngày 02/3/2022 cho Trần Thị Cẩm T đứng tên người sử dụng đất. Nguồn gốc quyền sử dụng đất nêu trên là do Ông C được cha ruột tặng cho.

Do Trần Thị Cẩm T có nợ xấu nên không thể tự mình đi vay tiền tại Ngân hàng nên ngày 30/5/2022 Trần Thị Cẩm T đến Văn phòng công chứng Phạm Trung Dũng để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho Trần Văn C, rồi nhờ Trần Văn C thế chấp bằng quyền sử dụng thửa đất nêu trên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu, phòng giao dịch Rạch Dừa vay số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) để Ông C đem tiền về trả nợ.

Đến khoảng tháng 8 năm 2022, bà Nguyễn Thị Lan (mẹ ruột của Ông C) nhiều lần hỏi Ông C về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên, T lo sợ việc bà L biết T làm ăn thua lỗ nên đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho bà L tin tưởng. T lên mạng xã hội Facebook, tìm được người làm giả giấy tờ (không rõ họ tên, địa chỉ) rồi gửi nội dung trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên qua mạng xã hội Facebook cho người này để đặt làm giả với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Khoảng 15 ngày sau, T được một nam thanh niên (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) hẹn T ra đường Lê Hồng Phong, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã đặt, sau khi ra địa điểm hẹn nêu trên thì T đã nhận một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657068 (ngày cấp 02/3/2022, người sử dụng đất tên Trần Thị Cẩm T, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B, diện tích 931,5 m², số vào sổ cấp GCN: CS 07972). Sau đó, T mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T vừa đặt làm giả cho bà L xem.

Ngày 07/11/2022, T muốn mượn tiền của Phạm Thị Thanh H vì vậy để làm tin cho H nên T đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm giả nêu trên và hẹn H đến Văn phòng công chứng Trần Sỹ H để làm thủ tục ủy quyền đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho H. Tuy nhiên, khi đang làm hợp đồng ủy quyền thì Văn phòng công chứng Trần Sỹ H nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên đã trình báo sự việc với cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Châu Đức đã thu giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657068 (ngày cấp 02/3/2022, người sử dụng đất tên Trần Thị Cẩm T, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B, diện tích 931,5 m², số vào sổ cấp GCN: CS 07972).

Tại bản kết luận giám định số 144/KL-KTHS-TL ngày 09/12/2022 của Phòng Kỹ Thuật hình sự - công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận:

“1. Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hoang O trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng O trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu trên mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra”.

Vật chứng vụ án: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657068 (mang tên Trần Thị Cẩm T, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B, diện tích 931,5 m², số vào sổ cấp GCN: CS 07972, đề ngày 02/3/2022) kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS, ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố bị cáo Trần Thị Cẩm T về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên quyết định truy tố Trần Thị Cẩm T về tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm **i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự**, xử phạt Trần Thị Cẩm T từ **12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách**

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Cẩm T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bản kết luận giám định số 144/KL-KTHS-TL ngày 09/12/2022 của Phòng Kỹ Thuật hình sự - công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng tháng 8 năm 2022, T lên mạng xã hội Facebook, đặt người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 931,5 m² thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Khoảng 15 ngày sau, Trần Thị Cẩm T nhận được một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657068 (mang tên Trần Thị Cẩm T, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B, diện tích 931,5, số vào sổ cấp GCN: CS 07972, đề ngày 02/3/2022). Sau đó, T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên mang đến Phòng công chứng ký hợp đồng ủy quyền cho bà Phạm Thị Thanh H nhằm để làm tin vay tài sản thì bị phát hiện.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị Cẩm T đủ dấu hiệu cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố, đề nghị xét xử như cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được bị cáo T thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự khác đối với bị cáo để quyết định cho Trần Thị Cẩm T một mức hình phạt phù hợp.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn hiện nay một mình bị cáo phải nuôi hai người con chưa thành niên nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Như vậy, cần áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Hình phạt áp dụng: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy

bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm tại địa phương, bên cạnh đó Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay bị cáo đang phải một mình nuôi hai người con chưa thành niên ăn học, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội sẽ ảnh hưởng đến các con chưa thành niên của bị cáo nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kể tế khó khăn, hiện một mình đang phải nuôi hai con chưa thành niên ăn học nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Các nội dung khác: Đối với đối tượng mà T thuê làm giả giấy tờ con dấu do chưa rõ thông tin về nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Đối với hành vi của T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện thủ tục ủy quyền cho chị H thì mục đích của việc ủy quyền chỉ để làm tin chứ ý chí của T không có ý định chiếm đoạt tài sản của chị H và thực tế T chưa vay tiền của chị H nên hành vi này chưa cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C và bà Phạm Thị Thanh H không có ý kiến yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657068 (mang tên Trần Thị Cẩm T, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B, diện tích 931,5m², sổ vào sổ cấp GCN: CS 07972, đề ngày 02/3/2022) nhận thấy cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án giấy chứng nhận nêu trên.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Cẩm T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Cẩm T phạm tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm T 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 07/4/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Thị Cẩm T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 657068 (mang tên Trần Thị Cẩm T, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 71, địa chỉ xã B, huyện C, tỉnh B, diện tích 931,5 m², số vào sổ cấp GCN: CS 07972, đề ngày 02/3/2022).

Về án phí: Bị cáo Trần Thị Cẩm T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/4/2023). Bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với những đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- PV06, PC10 Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Công an huyện Châu Đức;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Văn Tiến